

# THÁI LAN CẢI TỔ ĐỂ PHÁT TRIỂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI.

Phạm Quang Diệu (biên dịch) - 2002



*Sau khủng hoảng, trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế diễn ra ngày càng quyết liệt, các quốc gia khu vực Châu á, đặc biệt là quốc gia thuộc khối ASEAN đang nỗ lực cải tổ, tìm kiếm những hướng đi mới, nhằm thúc đẩy nền kinh tế phục hồi và vươn lên mở rộng thị trường, thu hút đầu tư ổn định xã hội, phát triển kinh tế. Thái Lan là một nước có hoàn cảnh tự nhiên tương đối giống Việt Nam đang vươn lên từ một nền kinh tế nông nghiệp. Tìm hiểu những điều chỉnh chiến lược và chính sách của Thái Lan sẽ cung cấp những thông tin tham khảo bổ ích cho quá trình đổi mới và phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn Việt Nam.*

## Bản đồ Thái Lan



### I. Chương trình tăng cường khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Thái Lan

- Giới thiệu
- Mục tiêu của chương trình cải cách
- Nội dung của chương trình

### II. Nông thôn và quan điểm phát triển nông thôn mới ở Thái Lan

- Tổng quan về khu vực nông thôn
- Nghèo đói và bất bình đẳng thu nhập của nông thôn
- Khủng hoảng kinh tế và ảnh hưởng đến của nó đến khu vực nông thôn
- Những quan điểm về phát triển nông thôn mới của Thái Lan

## I. Chương trình tăng cường khả năng cạnh tranh cho nền kinh tế của Thái Lan

### 1. Giới thiệu

Sau khủng hoảng 1997, Thái Lan đã đề ra nhiều biện pháp nhằm vực lại nền kinh tế. Đáng chú ý là kế hoạch phát triển kinh tế xã hội lần thứ 9 của Thái Lan, 2002-2006, nhằm vào mục tiêu tái thiết và tăng cường khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, để huy động các nguồn lực, đặc biệt là đầu tư tư nhân và tiêu dùng đạt được tốc độ tăng trưởng bền vững về trung hạn. Hiện nay, công cuộc tái thiết trên toàn nền kinh tế có thể bị kìm hãm do tỷ lệ nợ khó đòi cao và do các ngân hàng không thể cấp tín dụng cho các khách hàng hoạt động tốt, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực tư nhân. Các yếu kém về cơ cấu cũng đã xuất hiện trong cả ba lĩnh vực quan trọng có thể hạn chế khả năng cạnh tranh về trung hạn của Thái Lan, đó là:

- Yếu kém về vốn tri thức: chất lượng nguồn lao động của Thái Lan chưa cao. Tăng cường chất lượng và đẩy mạnh phổ cập giáo dục đào tạo; phát triển công nghệ thông tin; tăng cường năng lực khoa học công nghệ sẽ giúp các công ty Thái Lan cạnh tranh hiệu quả hơn và có thể nắm bắt các cơ hội mới của toàn cầu hoá.
- Yếu kém trong hiện đại hoá hệ thống pháp luật và hạ tầng cơ sở, cản trở việc tăng hiệu quả, cải thiện dịch vụ công, làm tăng chi phí cho các doanh nghiệp Thái Lan.
- Yếu kém về môi trường kinh doanh và khả năng cạnh tranh, bao gồm cải cách trong điều hành doanh nghiệp, các cơ chế thương mại và đầu tư, chính sách cạnh tranh. Có khắc phục được vấn đề này thì nguồn vốn và nhân lực khan hiếm mới có thể được sử dụng cho những ngành có hiệu quả nhất. Thêm vào đó, một môi trường kinh tế vĩ mô thích hợp, điều chỉnh theo tín hiệu giá cả thị trường (lãi suất cho vay trong nước và tỷ giá hối đoái), sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp Thái Lan thích nghi với xu hướng phát triển mới của thị trường.

Thái Lan đã huy động được hơn 60 triệu đô la Mỹ và nhiều trợ giúp kỹ thuật để hỗ trợ thi hành chương trình cải tổ nhằm tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Chương trình này được tài trợ bởi các khoản vay hỗ trợ kỹ thuật, các khoản viện trợ đang có, đồng thời huy động thêm các nguồn viện trợ khác. Do các khoản nợ chính phủ đang tăng, Thái Lan tỏ ra thận trọng khi phải tiếp tục đi vay.

Bộ Tài chính, Ban Phát triển kinh tế xã hội quốc gia (NESDB) đóng vai trò trung tâm điều phối các cơ quan liên quan thực hiện Chương trình tăng cường khả năng cạnh tranh (CDPC). Ngân hàng Thế giới, và các cơ quan thuộc Liên hợp quốc, Ngân hàng Phát triển châu á, các tổ chức tài trợ song phương và các hiệp hội tham gia vào chương trình này. Một nhóm điều phối bao gồm cán bộ của Bộ Tài chính và của NESDB được xây dựng để giám sát thực hiện

chương trình. Các nhóm công tác được thành lập ở tất cả các vùng được nhận sự hỗ trợ của chương trình. Các cuộc hội thảo cũng được tổ chức để tăng cường hiệu quả của chương trình cải tổ kinh tế. Trong khuôn khổ CDPC còn có một loạt các buổi tham khảo lấy ý kiến các tổ chức phi chính phủ ở nông thôn.

Chính phủ, sẽ điều hành chương trình cải cách với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới, các nhà tài trợ khác và đối tác đoàn thể địa phương và các doanh nghiệp tư nhân. Các hội thảo báo cáo tiến độ thực hiện CDPC với Chính phủ được tổ chức 6 tháng một lần. Các cuộc hội nghị công khai, với sự tham dự của các đoàn thể quần chúng, sẽ làm tăng độ tin cậy đối với chương trình, tăng trách nhiệm của những người thực hiện, giúp chương trình thực hiện một cách hiệu quả.

## **2. Mục tiêu của chương trình cải cách**

Đối với các nhà hoạch định chính sách Thái Lan, tăng cường khả năng cạnh tranh đang trở thành vấn đề trọng tâm. Khả năng cạnh tranh yếu là nguyên nhân chính dẫn tới khủng hoảng kinh tế ở Thái Lan. Về ngắn hạn, cải tổ cơ cấu đối phó với khủng hoảng hướng vào việc chuyển đổi cơ chế nhằm khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp để họ thận trọng trong các quyết định sản xuất kinh doanh và tránh hiện tượng dư cung gây ra khủng hoảng tài chính. Về trung hạn Thái Lan quyết tâm thực hiện mạnh chương trình cải tổ kinh tế.

Khung chương trình tăng cường khả năng cạnh tranh trên diện rộng như sau: Cải tổ khu vực tài chính và khu vực doanh nghiệp (hợp lý hoá các luật, điều chỉnh quan hệ giữa bên cho vay và bên đi vay), với mục đích cải tiến cơ chế phân bổ vốn và quản lý dự án, làm tăng tỷ lệ thu hồi vốn. Các cải tổ này tạo sức ép khiến các chủ doanh nghiệp phải cải tổ bộ máy sản xuất, đổi mới công nghệ, hạ giá thành sản phẩm. Như vậy, cải tổ là nhân tố quyết định tạo ra động lực thúc đẩy khả năng cạnh tranh. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp và các nhà hoạch định chính sách giúp chỉ ra những định hướng chính và chương trình cải tổ chi tiết.

Chương trình nhằm vào loại bỏ các hạn chế và lực cản đối với khả năng cạnh tranh, trên ba lĩnh vực trọng yếu:

- Thứ nhất, tăng cường nền tảng tri thức để giúp các doanh nghiệp Thái Lan có thể cạnh tranh trong xu hướng toàn cầu hoá. Trọng tâm trong nền tảng tri thức là giáo dục đào tạo và kỹ năng, công nghệ thông tin, khoa học công nghệ. Các yếu tố này đóng vai trò quan trọng tăng khả năng cạnh tranh các doanh nghiệp Thái Lan vươn tới kinh tế tri thức. Cách tiếp cận này có thể coi là biện pháp hướng vào cung để tăng cường khả năng cạnh tranh.

- Thứ hai, chi phí cho các dịch vụ công tương đối cao nên làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế của các doanh nghiệp Thái Lan. Chương trình cải tổ sẽ hướng vào hiện đại hoá các doanh nghiệp nhà nước, tăng mức độ tham dự của khu vực tư nhân trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công, nhằm cải thiện kết cấu hạ tầng, đặc biệt là dịch vụ thông tin.
- Thứ ba, các biện pháp hướng cầu sẽ tập trung tăng cường sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô, thiết lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp. Thái Lan cho rằng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước ngày càng gay gắt buộc các doanh nghiệp tăng năng suất và hiệu quả. Do đó một môi trường vĩ mô phù hợp, ổn định sẽ giúp các doanh nghiệp thích ứng với thay đổi về giá và xu hướng phát triển thị trường. Chính phủ Thái Lan hy vọng việc áp dụng các luật mới về chính sách cạnh tranh và cải tổ cơ chế thương mại và đầu tư sẽ cải thiện môi trường kinh doanh.
- Cuối cùng, Thái Lan chú ý đặc biệt tới việc hình thành môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vì các doanh nghiệp này sẽ tạo ra phần lớn công ăn việc làm cho người lao động, tạo nên sản lượng lớn trong nền kinh tế và hỗ trợ tăng trưởng cân đối, ổn định và có chất lượng.

### **3. Nội dung của chương trình**

#### ***Duy trì quản lý kinh tế vĩ mô hiệu quả***

Thái Lan tiếp tục duy trì các chính sách kinh tế vĩ mô phù hợp để hỗ trợ quá trình phục hồi và tăng cường khả năng cạnh tranh. Ngân hàng Trung ương Thái Lan áp dụng các biện pháp không chế lạm phát để hỗ trợ các chương trình cải tổ hoạt động hiệu quả. Việc hỗ trợ này chỉ là bước đầu, khi các mô hình dự báo lạm phát và các cải tổ cơ cấu, tạo nên sự độc lập của ngân hàng trung ương, vẫn còn đang trong giai đoạn xây dựng. áp dụng cơ chế điều hành tỷ giá thả nổi có kiểm soát, Ngân hàng Trung ương Thái Lan chỉ điều tiết rất ít tỷ giá trên thị trường hối đoái.

Thái Lan cho rằng các khuyến khích về tài khoá là công cụ chính trong công cuộc khôi phục nền kinh tế, để củng cố tình hình tài chính cần hướng tới các mục tiêu trung hạn. Về trung hạn, hiện đại hoá các cơ quan quản lý nợ chính phủ và các cơ quan thuế sẽ củng cố tình hình tài chính và giảm mức nợ chính phủ. Thái Lan muốn Bộ Tài chính đảm trách việc quản lý nợ chính phủ theo tiêu chuẩn quốc tế với hệ thống thông tin, công cụ phân tích và đội ngũ cán bộ có năng lực. Chương trình này sẽ thiết lập một bộ phận ra quyết định quản lý nợ trong hệ thống chính quyền, cho phép đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro và chi phí một cách sáng suốt hơn thông qua bảng cân đối kế toán. Ngân hàng Phát triển Châu á, Kho bạc Mỹ, Ngân hàng Thế giới và các quỹ của Chính phủ Thái

Lan đang thực hiện một kế hoạch trợ giúp kỹ thuật và đào tạo nhằm tăng cường năng lực cho Bộ Tài chính.

Thái Lan đang tiến hành hiện đại hoá các cơ quan chịu trách nhiệm thu thuế như cơ quan thuế, hải quan để tăng cường khả năng thu thuế hiệu quả và minh bạch. Cơ quan này sẽ ứng dụng công nghệ thông tin để cải tiến các tài khoản thuế, chỉ rõ số nợ thuế, hỗ trợ kiểm toán và cung cấp thông tin kịp thời cho quản lý. Tất cả các cải tiến này đều giúp tăng cường khả năng thu thuế hiệu quả và minh bạch. Chương trình Hỗ trợ và Quản lý vốn sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho cơ quan thuế thông qua áp dụng hệ thống kiểm toán chọn lọc và xác định mã số thuế tự động, nhằm hiện đại hoá hệ thống nạp và xử lý dữ liệu điện tử và các công cụ thống kê cải tiến để dự báo doanh thu thuế.

### **Tăng cường cải tổ doanh nghiệp và hệ thống tài chính**

Các khoản nợ khó đòi trong các ngành đang giảm và tới tháng 1/2001, tỷ lệ nợ khó đòi được báo cáo là 17,7% tổng dư nợ. Sau đợt củng cố lại các ngân hàng và đóng cửa các ngân hàng yếu kém, số lượng các ngân hàng thương mại đã giảm xuống còn 13. Ngân hàng quốc doanh Krung Thai Bank đã được tách làm đôi thành một ngân hàng lớn và một ngân hàng nhỏ để có thể khắc phục các khoản nợ khó đòi của ngân hàng này. Kể từ khi khủng hoảng nổ ra, các ngân hàng tư nhân đã tăng số vốn từ các nhà đầu tư tư nhân lên 7,3 tỷ USD. Bốn ngân hàng trước đây thuộc về các nhà đầu tư trong nước thì bây giờ do các nhà đầu tư nước ngoài nắm phần lớn quyền sở hữu.

Tổng vốn của các tổ chức tài chính, kể cả đầu tư của Nhà nước cho các ngân hàng thương mại quốc doanh, từ tháng 1/1998 đến tháng 6/2000 lên tới khoảng 22,5 tỷ USD, đạt mức theo điều khoản của chương trình khoan nợ quy định. Tuy nhiên, do khoan nợ và các bảng cân đối kế toán của các tổ chức tài chính thiếu minh bạch nên mức tổn thất của các tổ chức tài chính không rõ ràng. Việc này làm giảm nhiệt tình của các nhà đầu tư tái cấp vốn cho các ngân hàng tư nhân. Kế hoạch tái cấp vốn để trang trải chi phí cơ cấu lại ngành tài chính chưa rõ ràng. Chính phủ và Hội đồng quốc gia đã thông qua dự thảo Luật Các tổ chức tài chính vào quý 1 năm 2000 để tăng cường cơ chế giám sát. Ngân hàng Trung ương Thái Lan đang củng cố lại chức năng giám sát hệ thống ngân hàng và tập trung vào quản lý rủi ro.

Chương trình cải tổ vừa hỗ trợ kỹ thuật, đồng thời giúp các doanh nghiệp phối hợp với chính quyền đánh giá lại khu vực tài chính về mặt chiến lược và cơ cấu lại nợ. Chương trình hướng vào các mục tiêu sau:

- Để cho các ngân hàng kinh doanh thua lỗ phá sản, quản lý và chuyển nhượng tài sản giữa các ngân hàng liên đới và Quỹ phát triển các tổ chức tài chính

FIDF (Financial Institutions Development Fund) - chủ sở hữu các công ty quản lý tài sản nợ; tái cấp vốn và củng cố các tổ chức tài chính chủ chốt còn lại (cả quốc doanh và tư nhân);

- Tăng cường thị trường cho cổ phiếu ngân hàng, đại lý đặc quyền kinh doanh và tài sản nợ (bao gồm cả các khoản nợ khó đòi) bằng việc công khai hoá hoàn toàn các khoản lỗ và bán tài sản nợ thuộc sở hữu nhà nước một cách có kế hoạch và trong tầm kiểm soát;
- Củng cố các tổ chức tài chính chủ chốt, như các tổ chức đánh giá tín dụng có uy tín, các cơ quan quản lý hoạt động tín dụng, các công ty quản lý tài sản nợ nhằm hỗ trợ các tổ chức tài chính hiện có cải tổ, thích ứng tốt hơn trở thành hệ thống tài chính mở và cạnh tranh hơn;
- Hỗ trợ hoạch định và thực hiện chiến lược phát triển thị trường trái phiếu chính phủ và thành lập cơ quan quản lý nợ chính phủ;
- Tăng cường công tác giám sát các ngân hàng, công ty chứng khoán và công ty bảo hiểm, tăng cường kỷ luật thị trường thông qua yêu cầu minh bạch hoá và cơ chế bảo hiểm tiền gửi hạn chế.

### **Cơ cấu lại doanh nghiệp**

Chính phủ Thái Lan đang tiến hành chương trình cơ cấu lại doanh nghiệp gồm 3 giai đoạn, gồm có:

- Giai đoạn 1: Quy định trách nhiệm rõ ràng hơn đối với doanh nghiệp đi vay bị lỗ (chẳng hạn như tịch thu tài sản để thế nợ) và khuyến khích các doanh nghiệp nỗ lực cơ cấu lại lỗ;
- Giai đoạn 2: Xoá bỏ các cản trở đối với các nỗ lực cơ cấu lại doanh nghiệp;
- Giai đoạn 3: Phát triển các hình thức hoà giải, dàn xếp giữa người vay và người cho vay để tránh phải ra toà.

Thái Lan đã đạt được nhiều thành quả cơ cấu lại doanh nghiệp. Đến cuối tháng 7/2000, tổng số các khoản nợ được cơ cấu lại lên đến 281.222 trường hợp (với tổng số vốn là 1,66 nghìn tỷ Bạt). Đây là một bước tiến lớn so với năm 1999 (tổng số các khoản nợ cơ cấu lại là 173.709 với tổng số vốn là 1,07 nghìn tỷ Bạt).

Tình trạng các vụ kiện ùn tắc ở Toà án dân sự chưa xử làm cho việc giải quyết các tài sản nợ gặp khó khăn. Do ùn tắc mà một vụ kiện phải chờ từ 6 đến 7 năm mới được đưa ra xử và khi xử xong cũng cần từ 1 đến 2 năm nữa để đấu giá tài sản thế chấp. Vào cuối tháng 9/2000, 46% trường hợp với tổng giá trị tài sản nợ vượt quá 1,19 nghìn tỷ Bạt đã không theo được quá trình cơ cấu lại nợ công ty của Ủy ban tái cơ cấu nợ công ty CDRAC và phải đưa ra toà.

Để hạn chế tình trạng hầu hết các vụ kiện được đưa ra Toà án Dân sự, một vài biện pháp hoà giải có thể được áp dụng là: (1) Các toà án dân sự có thể thiết lập bộ phận chuyên trách các vụ kiện thương mại có liên quan đến các tổ chức tài chính và đẩy nhanh quá trình thụ lý hồ sơ. Có thể ban hành một thông tư cấp bộ; (2) thử nghiệm áp dụng hỗ trợ hoà giải tiền toà theo uỷ nhiệm của Chính phủ vào tháng 8/2000 (đã thông qua ngân sách 254 triệu Bạt); và (3) ở Toà án dân sự của vùng nam Bangkok, nơi hầu hết các vụ kiện về nợ quá hạn được trình, có 130 thẩm phán mà chỉ 20% có thâm niên kinh nghiệm. Do không đủ thẩm phán nên quá trình thẩm vấn mất tới 4 tháng và còn thêm thời gian để phán quyết. Những thẩm phán thâm niên và những nhân viên có kinh nghiệm phải đảm nhiệm các vụ việc liên quan đến phát mại tài sản thế chấp. Tăng cường thẩm phán và tăng cường năng lực thể chế là ưu tiên hàng đầu của ngành tư pháp.

Luật sửa đổi Bộ luật Dân sự đã được ban hành vào tháng 3/2000, nhưng ảnh hưởng tới tỷ lệ các vụ kiện được giải quyết còn rất ít. Luật sửa đổi giúp xoá bỏ tình trạng trì hoãn có chủ ý, cho phép toà xử có lợi cho nguyên đơn nếu bị đơn không có mặt trong phiên toà. Tuy nhiên, vì thủ tục tư pháp mới ban hành nên tình trạng chậm trễ ngày càng tăng trong thủ tục thi hành phán quyết trong các vụ kiện dân sự (như giải chấp và bán đấu giá tài sản thế chấp trên thị trường).

Rất nhiều doanh nghiệp của Thái Lan gặp khó khăn trong việc sáp nhập. Quá trình sáp nhập công ty ở Thái Lan tốn nhiều thời gian và phiền phức, thông thường cần báo trước 6 tháng. Vì vậy, mà các chủ nợ có thể phản đối việc sáp nhập hoặc yêu cầu trả nợ ngay. Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại và Luật các công ty cổ phần hữu hạn đòi hỏi hai tổ chức sáp nhập phải từ bỏ địa vị pháp nhân trước khi tạo ra một pháp nhân mới. Thêm vào đó, có rất ít các vụ sáp nhập mặc dù Chính phủ khuyến khích sáp nhập. Trở ngại chính đối với việc sáp nhập là không thể chuyển các khoản lỗ rỗng của các doanh nghiệp trước khi sáp nhập sang doanh nghiệp mới thành lập.

Các biện pháp khuyến khích về thuế chưa được áp dụng rộng rãi. Kể từ tháng 1 năm 2000, Thái Lan đã công bố một số biện pháp tạo thuận lợi cho quá trình cơ cấu lại nợ như miễn thuế chuyển giao tài sản nếu tiền thu được từ bán tài sản thế chấp (bán cho các tổ chức tài chính hoặc một bên thứ ba khác) dùng để trả nợ quá hạn.



Chương trình cơ cấu lại các doanh nghiệp sẽ giúp Chương trình cải tổ kinh tế đẩy nhanh tiến trình tự giác cơ cấu lại không cần toà án can thiệp. Để đạt mục tiêu này cần tư vấn chính sách và hỗ trợ kỹ thuật của Ngân hàng Trung ương Thái Lan, Công ty tư vấn tái cơ cấu nợ công ty, Hiệp hội các ngân hàng Thái Lan và Liên đoàn nghề nghiệp Thái Lan. Các hoạt động tập trung vào: phối hợp giữa những tổ chức chủ chốt, tạo khung pháp lý cho các trường hợp không có khả năng trả nợ và các vấn đề kỹ thuật, hình thành đường lối chỉ đạo tái cơ cấu nợ tự nguyện, đào tạo, tăng cường thể chế (CDRAC), tư vấn giám sát hoạt động tài chính doanh nghiệp, tư vấn tăng cường tổ chức để cơ cấu lại và hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ. CDPC sẽ hỗ trợ các nhà quản lý về cách thức thực hiện và tăng chất lượng chương trình cải tổ doanh nghiệp thông qua hệ thống toà án dân sự và cho phá sản các doanh nghiệp không còn khả năng trả nợ.

### **Phát triển hệ thống pháp luật và toà án**

Hệ thống Luật Kinh tế đang được hoàn thiện. Các bộ ngành liên quan cùng hoàn thiện nội dung luật trong những lĩnh vực cụ thể (như phá sản, cho vay có bảo đảm, thông tin tín dụng, các tổ chức tài chính, sở hữu nước ngoài). Chương trình cải cách hệ thống Luật Kinh tế sẽ có ảnh hưởng sâu rộng.

Chiến lược phát triển của Thái Lan là tiến hành cải cách hệ thống Luật Kinh tế mang tính chiến lược và toàn diện để hoàn thiện hành lang pháp lý và cơ chế thi hành luật, đảm bảo công cuộc tái thiết kinh tế bền vững, và đáp ứng thách thức mới đặt ra.

Những lĩnh vực cải tổ cụ thể là: cơ cấu lại và tăng cường giám sát hoạt động các tổ chức tài chính, các quy tắc an toàn, thuế; tổ chức lại các doanh nghiệp, cho phá sản hoặc vỡ nợ các doanh nghiệp yếu kém; tăng tốc độ và chất lượng tái cơ cấu nợ của các ngân hàng thương mại quốc doanh; tăng cường hệ thống pháp luật về cho vay có bảo đảm, thu hồi nợ và cơ chế đảm bảo an toàn; điều hành doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế; xoá bỏ rào cản cạnh tranh; tăng cường cải tổ doanh nghiệp nhà nước; tăng cường sự tham dự và trách nhiệm của quần chúng, chống tham nhũng; tăng cường luật về sở hữu trí tuệ; tăng cường năng lực áp dụng công nghệ thông tin để tăng tính minh bạch, ngăn chặn hiện tượng lừa đảo trong cán bộ, công chức và các hình thức tội phạm qua mạng mới.

Cải cách hệ thống Luật Kinh tế toàn diện tạo ra những thách thức cũng như cơ hội quan trọng trong việc định hình hệ thống tổ chức mới. Hiến pháp mới và các luật kéo theo quy định việc phân biệt giữa chức năng hành pháp và tư pháp của Bộ tư pháp, về khía cạnh trách nhiệm và các vấn đề pháp lý. Để

tăng cường hệ thống pháp luật và thể chế của Thái Lan một cách toàn diện sẽ phối hợp và chỉ đạo chiến lược trong cải cách Luật Kinh tế và lấy ý kiến thống nhất trên quy mô cả nước.

### **Tăng cường kinh tế tri thức**

Tăng cường kinh tế tri thức bao gồm ba lĩnh vực chính: công nghệ thông tin, phát triển kỹ năng và khoa học công nghệ. Cả ba nhân tố này có vai trò hết sức quan trọng để tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Thái Lan trong nền kinh tế hướng tới tri thức và xu hướng toàn cầu hoá.

### **Công nghệ thông tin**

Khoảng cách về công nghệ thông tin giữa Thái Lan và các nước láng giềng như Singapore, Malaixia về ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thương mại, nghiên cứu và xã hội khá xa, khoảng cách giữa thành thị và nông thôn Thái Lan trong sử dụng công nghệ thông tin rất xa. Mức độ sử dụng Internet (tỷ lệ số người sử dụng Internet trên tổng số dân) nhỏ hơn 2%, trong khi mức trung bình toàn thế giới là 5% và ở các nước châu á phát triển là hơn 30%. Tỷ lệ sử dụng máy tính, doanh thu từ thương mại điện tử và sử dụng thiết bị viễn thông thấp cho thấy Thái Lan đang phát triển công nghệ thông tin không đúng hướng. Cho tới nay, việc truy cập Internet còn hạn chế ở các vùng xa thành phố đã làm giảm quy mô thị trường nội địa về ứng dụng công nghệ thông tin.

Có 8 nhân tố chính hạn chế việc phổ biến Internet, đặc biệt là ứng dụng thương mại điện tử ở Thái Lan: (i) Chi phí truy cập cao, đặc biệt là phí thuê đường truyền. Đây là hệ quả quy định của Cơ quan quản lý dịch vụ viễn thông của Thái Lan về cung cấp dịch vụ Internet; (ii) Nhận thức về lợi ích của công nghệ thông tin của người dân thấp, đặc biệt ở nông thôn và trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ. (iii) Thiếu sự tin tưởng vào các giao dịch trên mạng, hạn chế thương mại điện tử và chính phủ điện tử; (iv) Đội ngũ nhân viên trình độ chưa cao, chưa tiếp xúc nhiều và hiểu được lợi ích của Internet; (v) chậm hình thành khuôn khổ pháp lý và chính sách, làm trì hoãn thông qua Luật Chữ ký điện tử và Luật Hạ tầng thông tin quốc gia; (vi) Các hoạt động phục vụ giao dịch qua mạng và hệ thống thanh toán qua mạng chưa phát triển; (vii) việc áp dụng các tiêu chuẩn chung trong công nghiệp và hoạt động của Chính phủ còn hạn chế, không thúc đẩy được trao đổi và chia sẻ dữ liệu; (viii) do các doanh nghiệp nghiên cứu công nghệ gặp khó khăn về thị trường nên không phát triển sản phẩm nội địa .

Thái Lan đang xây dựng chiến lược phát triển công nghệ thông tin toàn diện lấy tên là IT2010. Chiến lược này nhằm vào ba mục tiêu chính: (i) tạo điều

kiện cho các vùng khác nhau tiếp cận công nghệ thông tin; (ii) thúc đẩy phát triển thương mại điện tử; và (iii) tối ưu hoá hoạt động cung cấp, sử dụng và điều hành dịch vụ thông qua chính phủ điện tử. Ủy ban Công nghệ thông tin quốc gia (NITC) đặt tại Văn phòng Thủ tướng điều phối hoạt động này.

NITC mới đây đã bắt đầu dự án e-Thailand, là một cầu nối tiến tới E-ASEAN. Dự án này nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong 6 lĩnh vực:

- Xã hội điện tử: giảm chênh lệch về công nghệ thông tin giữa các vùng khác nhau, giúp xây dựng một xã hội điện tử và chuẩn bị tiến tới kỷ nguyên điện tử.
- Chính phủ điện tử: phát triển kết nối trong cung cấp dịch vụ công, giúp người dân tiếp cận dịch vụ qua mạng và tăng cường tính minh bạch trong thủ tục hành chính.
- Chính sách kinh tế quốc tế: tăng cường phối hợp giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân để có thể biến e-Thailand thành hiện thực.
- Tự do hoá, thúc đẩy phát triển, và tăng cường khả năng cạnh tranh trong ngành viễn thông và công nghệ thông tin của Thái Lan.
- Thực hiện các giao dịch thương mại điện tử theo tiêu chuẩn quốc tế, trong khi phát triển thanh toán qua mạng có bảo đảm trên phạm vi toàn quốc.
- Xây dựng các tiêu chuẩn kết nối và vận hành mạng để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chính phủ, khu vực tư nhân và công chúng sử dụng internet.

Thi hành hiến pháp mới và quá trình phân quyền đòi hỏi phải phát triển mạnh Chính phủ điện tử. Một chiến lược phát triển Chính phủ điện tử cập nhật cần xác định rõ bức tranh toàn thể, chỉ ra mục tiêu rõ ràng cần phải đạt được, chỉ ra các kế hoạch thực hiện cụ thể cho từng cơ quan chính phủ. Một số cơ quan Chính phủ chính sẽ tham gia Chính phủ điện tử là Cục thuế, Cục đăng ký kinh doanh, Bộ Thương mại, và các cơ quan chính quyền địa phương.

Chương trình phát triển công nghệ thông tin sẽ giúp công tác hoạch định chiến lược công nghệ thông tin quốc gia và hình thành kế hoạch phát triển công nghệ thông tin cho khu vực nông thôn. Những lĩnh vực hỗ trợ chủ yếu bao gồm: (i) khung pháp lý cho thương mại điện tử; (ii) chi phí thuê đường truyền; (iii) phát triển kỹ năng kỹ thuật, lập trình và ngoại ngữ; (iv) tăng tỷ lệ nội địa hoá; (v) thúc đẩy phát triển và thực hiện chiến lược phát triển chính phủ điện tử rõ ràng, tạo điều kiện cho tư nhân phát triển công nghệ thông tin.

### ***Phát triển nguồn nhân lực***

Những năm qua, trình độ chuyên môn và tay nghề của công nhân Thái Lan tăng, nhưng chất lượng không đồng đều. Kể từ năm 1980, lực lượng lao

động tốt nghiệp bậc tiểu học tăng làm năng suất lao động tăng khá trong tất cả các ngành, trừ nông nghiệp. Thái Lan có nền giáo dục cơ sở khá vững mạnh, nhưng khó khăn chủ yếu là ở giáo dục cao cấp và phát triển kỹ năng lao động. Thái Lan thiếu đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ. Nguyên nhân do tỷ lệ học sinh theo học các môn khoa học tương đối thấp so với các nước khác trong khu vực.

Tỷ lệ công nhân được đào tạo tại doanh nghiệp thấp, trung bình chỉ qua 9 năm đào tạo chính quy. Gần 40% các doanh nghiệp sản xuất tổ chức đào tạo chính quy cho nhân viên của mình, trong nội bộ hoặc mời chuyên gia bên ngoài. Nhiều doanh nghiệp không tổ chức đào tạo, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cơ chế khuyến khích đào tạo tại doanh nghiệp không mang lại kết quả mong muốn, do có rất ít doanh nghiệp được hưởng ưu đãi miễn trừ thuế tổ chức đào tạo. Ngoài ra, các chính sách khuyến khích đào tạo thông qua ưu đãi về thuế phức tạp và khó thực hiện. Kinh nghiệm các nước cho thấy ưu đãi thuế để khuyến khích đào tạo chủ yếu áp dụng cho các công ty lớn và công ty đa quốc gia, mà hầu hết các công ty này đều đã tổ chức các chương trình đào tạo khá tốt. Rất ít tổ chức đào tạo thêm do tác dụng của chính sách ưu đãi thuế. Các chính sách này tác động không đáng kể tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### ***Năng lực khoa học công nghệ***

Thái Lan đang tụt hậu so với các nước khác trong khu vực xét theo các chỉ tiêu về năng lực công nghệ. Sự yếu kém về công nghệ của Thái Lan thể hiện qua năng suất tổng thể thấp, thị phần hàng xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao và hẹp, và các hoạt động nghiên cứu triển khai không phát triển. Dự báo cho thấy để đạt được mức độ phát triển công nghệ như Hàn Quốc vào đầu những năm 1980 thì tổng chi phí dành cho nghiên cứu triển khai của Thái Lan phải tăng 5 lần; tỷ lệ các nghiên cứu do các doanh nghiệp tự bỏ tiền ra tăng 20 lần, số lượng các nhà nghiên cứu trên 10.000 dân tăng 4 lần, và số bằng sáng chế có giá trị quốc tế phải tăng 6 lần.

Năng lực công nghệ yếu tồn tại ở cả ba cấp: cấp hoạch định chính sách và môi trường thể chế, hệ thống các trường đại học và các doanh nghiệp. Phát triển công nghệ hạn chế do mức độ cạnh tranh yếu, thiếu nhân lực khoa học công nghệ, thiếu bộ phận có khả năng và chuyên trách về công nghệ trong mỗi doanh nghiệp để phụ trách việc mua, sử dụng, biến đổi công nghệ cho phù hợp và phát triển công nghệ, các phát minh sáng chế và quá trình phổ biến công nghệ. Nguyên nhân thứ hai dẫn tới lạc hậu về công nghệ là khung thể chế không đầy đủ để kích thích công nghệ phát triển trong bối cảnh thị trường hoạt động không

hiệu quả (ví dụ số đông dân chúng có lợi khi tăng cường phổ biến tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong toàn bộ nền kinh tế).

Chính phủ Thái Lan nhờ đánh giá chi tiết khung thể chế phát triển công nghệ bắt đầu xác định rõ vấn đề. Thứ nhất, đánh giá hệ thống chính sách và cơ cấu tổ chức phát triển công nghệ. Thứ hai, đánh giá tổ chức và chiến lược của các viện nghiên cứu phát triển công nghệ. Nghiên cứu đầu tiên nhằm hai mục đích: (i) xem xét lại cơ cấu và chức năng của hệ thống chính sách của Chính phủ và các viện liên quan đến phát triển công nghệ; và (ii) kiểm tra lại vai trò của NSTDA trong toàn bộ hệ thống. Nghiên cứu thứ hai nhằm kiểm tra lại tính hiệu quả của các viện nghiên cứu công nghệ trong việc cung cấp dịch vụ cho các khách hàng đồng thời duy trì sự độc lập về tài chính.

## **II. Khu vực nông thôn và quan điểm phát triển nông thôn mới ở thái lan**

### **Tổng quan về khu vực nông thôn**

Nông thôn Thái Lan hiện có 38 triệu dân- chiếm 63% tổng dân số. Khoảng 92% hộ gia đình sống bằng nghề nông, chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi. Ngành nông nghiệp Thái Lan chiếm 11% GDP của toàn bộ nền kinh tế, 50% tổng lao động và 25% tổng giá trị xuất khẩu. Trong trồng trọt, lúa là cây trồng chính, đóng góp khoảng 35% GDP nông nghiệp, tiếp theo là cao su 20%, hoa màu 15%, và rau 10%. Trong chăn nuôi gia súc, bò chiếm số lượng lớn nhất, khoảng 35% GDP chăn nuôi, tiếp theo là lợn 25%, và ngỗng 20%.

Một đặc trưng nổi bật của Thái Lan là kinh tế nông nghiệp chỉ chiếm một tỷ lệ tương đối nhỏ trong thu nhập ròng của các hộ gia đình, giảm từ 54% năm 1976 xuống 36% năm 1995. Cán cân thu nhập nghiêng về các hoạt động phi nông nghiệp ngoài trang trại, chẳng hạn làm công ăn lương ở các đồn điền, thuê đất, máy móc, và súc vật kéo, hoặc các hoạt động phi nông nghiệp, như lao động được trả lương, bán hàng hoá và dịch vụ, gửi tiền. 8% hộ ở khu vực nông thôn làm thuê trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Họ chủ yếu là những công nhân trình độ thấp làm trong các ngành công nghiệp, chế tạo, xây dựng và giao thông.

Cơ cấu sản xuất và mức độ phát triển khác nhau giữa các vùng của Thái Lan phản ánh sự khác nhau về môi trường tự nhiên, các điều kiện kinh tế-xã hội, xu hướng chi tiêu và chính sách của chính phủ.

Vùng Đông Bắc chiếm 1/3 diện tích cả nước và 44% dân số nông thôn. Đây là vùng đông dân nhất và nghèo nhất Thái Lan. GDP của vùng theo đầu

người trung bình năm 1996 khoảng 27.000 бат, tỷ lệ hộ nghèo là 19%. Lao động thất nghiệp và tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động rất nhiều. Hoạt động thương mại bán buôn, bán lẻ chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng sản phẩm vùng 21%, tiếp theo là nông nghiệp 20%, chế tạo 14%, và dịch vụ 12%.

Vùng Đông Bắc chiếm 40% tổng diện tích đất nông nghiệp ở Thái Lan, nhưng đóng góp chưa đến 1/4 tổng sản lượng nông nghiệp, do đất đai khô cằn, mưa thất thường, chỉ có hai mùa khô và mùa mưa. Mặc dù, Chính phủ đã nỗ lực đẩy mạnh đa dạng hoá cây trồng và kết hợp trồng trọt và chăn nuôi, nhưng độc canh lúa vẫn là nguồn thu nhập chủ yếu của nông dân. Năng suất và thu nhập nông nghiệp thấp dẫn đến việc xâm chiếm đất rừng nghiêm trọng và làn sóng di cư tìm kiếm việc làm ngày càng tăng.

Miền Bắc có diện tích bằng 1/3 diện tích cả nước và 21% dân số cả nước. Mặc dù đã có những thay đổi đáng kể trong thu nhập toàn vùng, nhưng tổng sản phẩm vùng bình quân đầu người vẫn chỉ đạt 38.000 бат năm 1996. Người dân vùng cao còn rất nghèo. Nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng sản phẩm vùng 20%, chủ yếu nhờ trồng trọt chiếm 77% tổng sản lượng; buôn bán 17%, chế tạo 14%, và dịch vụ 11%.

Các hoạt động nông nghiệp tập trung chủ yếu ở những lưu vực lòng chảo nhỏ nằm giữa các núi và những đồng bằng hẹp. Do đó, mặc dù mật độ dân số thấp, nhưng quy mô trung bình một trang trại tương đối nhỏ. Vì vậy hiện tượng di cư đến những vùng đất màu mỡ hơn ở phía Đông Bắc rất phổ biến ở Thái Lan. Nhìn chung, năng suất cây trồng cao, đất rừng đạt tỷ lệ tương đối cao, tuy nhiên vấn đề du canh du cư xâm chiếm đất vẫn phổ biến.

Kinh tế miền Nam phát triển mạnh với 14% diện tích đất và dân số, năm 1996 tổng giá trị sản phẩm vùng trung bình đạt khoảng 52.000 бат. Nông nghiệp chiếm 39% GDP, chủ yếu là sản xuất cao su và nuôi trồng hải sản. Khí hậu nhiệt đới ẩm ở đây rất thuận lợi để đa dạng hoá các hoạt động sản xuất. Tỷ lệ GDP của thương mại chiếm 15%, chế tạo và dịch vụ là 10% và 7%. Ngành du lịch, khai thác mỏ, khí đốt tự nhiên trong vùng phát triển nhanh.

Miền Trung, bao gồm miền núi phía Tây và duyên hải Đông Nam, là vùng giàu nhất và có mật độ dân cư đông nhất. Diện tích đất là 20%, dân số chiếm 17% dân số cả nước. Năm 1996, tổng sản phẩm vùng trung bình khoảng 86.000 бат, trừ thành phố Bangkok. Do gần ở Bangkok nên được sự hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, kinh tế ở đây phát triển đa dạng với các ngành công nghiệp, nông nghiệp (Đồng bằng Chao Phraya có nguồn nước dồi dào và đất đai màu mỡ), khai thác mỏ (đá granite ở phía tây và đá basalt ở phía đông) và thương mại. Ngành công nghiệp chế tạo chiếm tỷ lệ GDP lớn nhất 43%, tiếp theo là thương mại 12%, nông nghiệp 11% và dịch vụ 6%.

Cơ sở hạ tầng rất phát triển trong cả nước, hệ thống đường quốc lộ, đường nhánh chất lượng rất tốt, hệ thống thông tin liên lạc và mạng lưới điện được trang bị tới tất cả các thị xã và thị trấn chính. Mặc dù chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng ở các thành phố, song chính phủ Thái Lan cũng cam kết phát triển cơ sở hạ tầng ở cấp làng và đã đạt được những tiến bộ trong việc phát triển hệ thống đường nhánh bằng đá ong, các chương trình cấp nước, cấp điện về làng. Ưu tiên hiện đang là phát triển cơ sở hạ tầng cho các vùng dân cư bao gồm đảm bảo các nguồn cấp nước và hệ thống thủy lợi.

Nhìn chung, đa số cư dân nông thôn Thái Lan được tiếp cận với các dịch vụ xã hội. Đối với vấn đề bảo vệ sức khỏe cộng đồng, tỷ lệ tử vong của người mẹ, trẻ em dưới năm tuổi, trẻ vị thành niên giảm đáng kể; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em giảm, giáo dục sức khỏe được đẩy mạnh, các biện pháp tránh thai và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Mặc dù kế hoạch chi tiêu cho sức khỏe cộng đồng rất lớn, song rất nhiều làng xã nông thôn vẫn khó tiếp cận các điều kiện chăm sóc sức khỏe ban đầu. Trong giáo dục, giáo dục sơ cấp, tỷ lệ phụ nữ đi học cao và số lượng người được giáo dục trung học ngày càng tăng.

Vì phần lớn dân cư có cùng một tôn giáo và dân tộc, nên có rất ít những va chạm về văn hoá giữa các vùng nông thôn. Tuy nhiên, có rất đông đồng bào các dân tộc miền núi ở miền đồi núi phía Bắc và phía Đông đã tranh giành đất với chính phủ khi thay đổi các phương thức canh tác, khai thác rừng và trồng cây thuốc phiện.

Nói chung, nông thôn Thái Lan rộng lớn, năng động, đóng vai trò quan trọng trong phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế của đất nước. Chiến lược phát triển theo hướng thị trường mà Thái Lan đã theo đuổi trong suốt ba thập kỷ qua nhấn mạnh vai trò của khu vực kinh tế tư nhân, quản lý ngành và nền kinh tế vĩ mô lành mạnh. Không giống một số nước khác ở Đông á, chủ trương phát triển đô thị đã tạo bất lợi cho nông thôn. Các chính sách giá thấp, ổn định giá, kiểm soát giá đối với các mặt hàng nông sản; đánh thuế cao vào xuất khẩu nông sản; các điều luật cho vay nặng lãi làm suy yếu thị trường tài chính nông thôn; ngân sách cấp phát cho thành thị vượt xa các hàng hoá, dịch vụ ở nông thôn.

### **Nghèo đói và bất bình đẳng thu nhập của nông thôn**

Sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế trong mười lăm năm qua đã làm tăng sự phát triển không đồng đều giữa thành thị và nông thôn. Sự phát triển không đồng đều này là do sự khác nhau về chính sách, thị trường và sự yếu kém về thể chế, bao gồm:

- Trong thời kỳ nền kinh tế bùng phát, quản lý tỷ giá hối đoái và nguồn vốn lớn trong kinh tế vĩ mô kém, làm cho nhu cầu về lao động và vốn ở các đô thị ngày càng tăng, phá vỡ lợi thế cạnh tranh của ngành nông nghiệp.
- Bảo hộ trong nước tác động mạnh thu hút các nguồn tài nguyên chảy vào thành thị, chủ yếu vào công nghiệp và chế tạo, còn lại ít cho các hoạt động nông nghiệp ở nông thôn.
- Luật pháp về quyền sở hữu đất và thế chấp tài sản như đất, cây trồng, vật nuôi và các phương tiện yếu kém và cứng nhắc, kìm hãm thị trường tài chính ở nông thôn.
- Đầu tư công cộng về kinh tế và xã hội ở nông thôn như phát triển cộng đồng, giảm nghèo, đào tạo cán bộ còn nhiều hạn chế đã làm suy yếu sự phát triển nguồn nhân lực.

Kết quả là, khu vực nông thôn gặp nhiều khó khăn, không phát triển công bằng và bền vững trong thời gian dài, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội trong thời gian qua càng làm những khó khăn này trầm trọng thêm.

Mặc dù sự tăng trưởng mạnh mẽ của Thái Lan đã làm tăng thu nhập cho nhiều hộ gia đình ở nông thôn song đói nghèo ở nông thôn vẫn còn nan giải. Theo ngưỡng nghèo đói của Thái Lan, năm 1988 tỷ lệ nghèo là 33%, năm 1992 giảm xuống còn 20% và năm 1996 là 11%. Trong suốt thời kỳ này, số lượng người rất nghèo giảm một nửa, từ 17,9 triệu xuống 6,8 triệu người. Song vẫn còn tồn tại một số vấn đề sau:

- Tỷ lệ người nghèo nhiều nhất ở nông thôn: năm 1996, dân nghèo ở các làng sống dưới ngưỡng nghèo là 15% so với 6% ở các thị trấn và 2% ở các thành phố.
- Chênh lệch giữa các vùng: miền Đông Bắc có 19% dân sống dưới mức nghèo, ở các vùng phía Bắc và phía Nam là 11%, so với 1% ở thành phố Băng Kok. Những vùng nghèo nhất cũng là những vùng đông dân nhất. Miền Bắc và Đông Bắc chiếm khoảng 3/4 tổng số người nghèo ở Thái Lan.

Mặc dù tình trạng nghèo đói đã được cải thiện trong hơn thập kỷ qua, nhưng thu nhập vẫn tăng không đều. Từ năm 1988 đến 1992, tỷ lệ hộ gia đình có thu nhập cao nhất tăng từ 20% lên 55-59% GDP, tỷ lệ hộ gia đình có thu nhập thấp nhất giảm từ 20% xuống còn 4,5-3,8%. Nếu như từ giữa những năm 70, chênh lệch về thu nhập giữa nhóm có thu nhập cao nhất và thấp nhất của



Thái Lan thấp hơn các nước khác trong khu vực, thì ngày nay Thái Lan là một trong những nước có chênh lệch về thu nhập lớn nhất trong khu vực Đông Á.

Báo cáo về nghèo đói của Ngân hàng Thế giới năm 1996 cho thấy cơ hội việc làm không đồng đều giữa các vùng và giữa các ngành, và do đường lối giáo dục hướng nghiệp và giáo dục trung học còn yếu nên chênh lệch thu nhập ngày càng có xu hướng tăng lên. Trong năm 1990, hơn 3/4 số lượng công nhân chỉ học hết sơ cấp, năm 1992, thu nhập khác nhau là do trình độ học vấn khác nhau gây ra.

Việc làm ở nông thôn thiếu đã đẩy phần lớn những lao động trẻ ra các thành phố tìm việc làm. Tỷ lệ di cư trung bình hàng năm tăng từ 420.000 người giai đoạn 1976-1980, trong đó 80% là di cư theo mùa, tăng lên 992.000 giai đoạn 1991-1996, trong đó 70% là di trú lâu dài. Số lượng lao động trong ngành nông nghiệp giảm từ 20,5 triệu người năm 1989 xuống 16,9 triệu người năm 1995, chủ yếu là những người trong độ tuổi từ 12-24. Lực lượng lao động trẻ bỏ quê đi tìm kiếm việc làm do các nguyên nhân:

- Thứ nhất, các ngành công nghiệp và chế tạo phát triển nhanh ở các thành phố trong những năm 90 có mức lương cao hơn, thu hút mạnh lao động trẻ nông thôn. Một ngày lương thực tế trong ngành công nghiệp tăng từ 108 бат năm 1977 lên 207 бат năm 1995, trong khi ngành nông nghiệp dậm chân ở mức 65 бат một ngày lương.
- Thứ hai, trong khi lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn 39% vào mùa khô và 50% vào mùa mưa thì khả năng thu hút thêm lao động của ngành bị giới hạn do sản xuất cầm chừng, tài nguyên đất và nước bị đe dọa.
- Thứ ba, công nghiệp nông thôn, đặc biệt là những doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng trưởng rất chậm là do những sai lầm về chính sách của Chính phủ chỉ tập trung phát triển công nghiệp ở BăngKok.

Tăng trưởng kinh tế quá nhanh đồng nghĩa với môi trường ngày càng bị huỷ hoại nghiêm trọng do các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nông thôn bị suy thoái và ô nhiễm.

- Phá rừng là một vấn đề nghiêm trọng, tỷ lệ đất có rừng giảm từ 53% năm 1961 xuống 25% năm 1998, là kết quả của việc quản lý nhu nhược, phát triển cơ sở hạ tầng thiếu qui hoạch và xâm lấn đất làm nông nghiệp.
- Xói mòn đất và lòng sông nông dần đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng ở những lưu vực sông chính phía Bắc do quản lý lưu vực sông yếu kém và tranh chấp sử dụng đất gay gắt với những người dân vùng cao.

- Các nguồn tài nguyên nước cho thủy điện, thủy lợi, sinh hoạt và công nghiệp bị khai thác quá mức. Chất lượng nước ngày càng xấu đi do ô nhiễm từ các chất thải sinh hoạt và công nghiệp. Hiện nay chỉ còn 14% nguồn nước an toàn cho động vật sống dưới nước và cho sinh hoạt của con người.
- Tài nguyên ven biển bị khai thác quá mức, năng suất đánh bắt giảm từ 265kg xuống 25 kg/giờ; quản lý môi trường của ngành nuôi trồng thủy sản vùng ven biển yếu kém.

Quản lý xã hội cũng kém phát triển do một số nhân tố. Cơ quan quản lý và cán bộ nhà nước tập trung quá nhiều ở Băng Kok, các thể chế tại địa phương thiếu cán bộ và thiếu sự tham gia quản lý của người dân. Dịch vụ y tế và giáo dục trung học ở những vùng nông thôn nghèo còn nhiều hạn chế làm nguồn nhân lực khó phát triển. Nhiều người Thái Lan cho rằng sự đô thị hoá và di cư ở ạt đã phá vỡ các mối quan hệ họ hàng và xã hội trong các làng xã.

### **Khủng hoảng kinh tế và ảnh hưởng đến của nó đến khu vực nông thôn**

Sau nhiều năm đạt mức tăng trưởng nhanh, cuối năm 1997, do sự yếu kém của hệ thống ngân hàng trong việc định giá đồng Bạt, làm giảm khả năng cạnh tranh của đồng lương, những xung đột bên ngoài ngành và những yếu kém về cơ cấu trong các ngành sản xuất chủ chốt đã làm cho nền kinh tế Thái Lan rơi vào tình trạng khủng hoảng. Nhu cầu trong nước giảm, xuất khẩu tăng chậm, các doanh nghiệp bị phá sản ngày càng nhiều, ngành tài chính phải sắp xếp lại. Sức mua của đồng bạt đối với đồng đôla giảm 40%, tỷ lệ lãi suất cao, kế hoạch ổn định tỷ giá hối đoái và điều chỉnh tổng cầu đã hạn chế đầu tư.

Tương lai trước mắt của nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn: năm 1998 GDP giảm 8% và tiêu dùng cá nhân giảm 11%. Con số thất nghiệp gần đây nhất là 1.463.000 người và 9.890.000 người gần như không có việc làm (làm việc dưới 20 giờ một tuần). Năm 1997, thất nghiệp tăng từ 1,4% lực lượng lao động hiện tại trong mùa mưa lên 3,1% vào mùa khô và 5,3% vào mùa mưa trong năm 1998.

ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng đến khu vực nông thôn ở Thái Lan đặc biệt nghiêm trọng, làm tăng xu hướng khó chống đỡ về lâu dài.

Tổng lao động thất nghiệp ở các vùng nông thôn tăng từ 2,4% vào tháng 2 năm 1997 lên 5,3% tháng 2 năm 1999. Đông Bắc là vùng nghèo nhất nhưng thất nghiệp tăng nhanh nhất, từ 3,1% lên 8,1%, thu nhập ròng giảm 25%. Lao động bán thất nghiệp cũng tăng với tốc độ tương tự, từ 2% đến 3,7% lực lượng lao động.

Những thay đổi trên thị trường lao động tác động đến ngành nghề nông thôn rất mạnh: thất nghiệp tăng và thu nhập thực tế giảm ở các thành phố khiến những người di cư ra thành phố lại trở về quê, áp lực đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên tăng, tranh chấp đất nông nghiệp gay gắt hơn.

Tác động của khủng hoảng kinh tế đặc biệt nghiêm trọng đối với những người nghèo. Có rất nhiều hộ gia đình nghèo chỉ chuyên bán lúa gạo, nên giá lương thực trong nước tăng. Đồng loạt bị mất giá và nhu cầu về gạo xuất khẩu tới các nước trong khu vực tăng, làm mất an ninh đối với người có thu nhập thấp. Một vấn đề báo động là lao động trẻ em ngày càng tăng và trẻ em đến trường giảm.

Ước tính tỷ lệ người nghèo tăng từ 11,3% năm 1996 lên 12,4% trong quý II năm 1998. Khoảng cách thu nhập giữa hộ giàu và hộ nghèo ngày càng lớn, nhóm thu nhập cao nhất có tăng lên rất ít trong năm 1996, còn nhóm có thu nhập trung bình thì bị giảm đi một chút.

Bên cạnh những tác động xã hội, tỷ lệ lãi suất cao và đồng Bạt mất giá làm suy yếu hệ thống tín dụng nông thôn, dẫn đến tiêu thụ phân bón và các nguyên liệu đầu vào nhập khẩu khác giảm, nhiều hộ nghèo không đủ vốn để sản xuất. Chi tiêu của chính phủ cho cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội ở nông thôn giảm, dẫn đến thu hẹp việc làm trong các ngành nghề nông thôn, phá vỡ các mục tiêu về chăm sóc sức khỏe, giáo dục và giảm nghèo ở khu vực nông thôn.

Thái Lan đang phải cân nhắc kỹ về những ảnh hưởng sâu rộng của cuộc khủng hoảng về nhu cầu cơ cấu lại nền kinh tế đất nước, và những ưu tiên phát triển. Một Hiến Pháp mới được ban bố vào tháng 10 năm 1997, đưa ra những điều lệ mới về quản lý, quyền công dân, phân quyền, các vấn đề xã hội và môi trường. Kế hoạch lần thứ 8 và chương trình đầu tư cho khu vực công cộng được sửa đổi vào tháng 1 năm 1998, sửa đổi lại vào tháng 1 năm 1999 để ổn định và khắc phục khủng hoảng trong thời gian ngắn.

Hiện nay, Thái Lan chú trọng hơn đến vai trò của khu vực nông thôn nhằm khôi phục lại mức tăng trưởng trong thời gian ngắn và trung hạn. Thái Lan thành lập một uỷ ban tập trung vào các hoạt động phát triển nông thôn nhằm khắc phục những hậu quả của khủng hoảng. Tháng 8 năm 1998, Chính phủ, các học viện và tổ chức tư nhân lập ra một tiểu ban quốc gia mới về Phục hồi Kinh tế và Xã hội Nông thôn nhằm thi hành Kế hoạch khôi phục Xã hội và Kinh tế nông thôn. Ban Chính sách xã hội quốc gia được thành lập tháng 6 năm 1998 để hướng dẫn chính sách phát triển cộng đồng, giảm nghèo và cải cách xã hội.

Các quan chức chính phủ, tư nhân, và các tổ chức xã hội nhất trí cần có một chiến lược và tầm nhìn mới về phát triển nông thôn để đưa Thái Lan thoát khỏi cuộc khủng hoảng trước mắt và đặt nền móng cho sự phát triển cân bằng, nâng cao thu nhập và tăng việc làm cho nông dân nghèo và cải thiện quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.

### **Những quan điểm về phát triển nông thôn mới của Thái Lan**

Thái Lan là một trong số ít những nước ở vùng Đông Nam Á đã tiến hành đối thoại trên toàn quốc về tương lai kinh tế-xã hội của đất nước, và thống nhất các biện pháp khắc phục tình trạng mất cân đối ngày càng tăng giữa thành thị và nông thôn trong thập kỷ qua, chuẩn bị kế hoạch phát triển kinh tế xã hội mới. Cuộc đối thoại đã nêu bật quan điểm rõ ràng, có giá trị về phát triển nông thôn, trong đó nhấn mạnh:

- Nhân dân nông thôn phải được trao thêm quyền, được bảo vệ và được hạnh phúc.
- Hướng tới một khu vực kinh tế nông thôn công bằng, vững chắc và cân bằng hợp lý.
- Quá trình phát triển nông thôn lấy nhân dân và các thể chế ở địa phương làm trung tâm.
- Các thành phần tham gia phát triển nông thôn gồm cộng đồng dân cư, các tổ chức xã hội, chính phủ, các tổ chức tư nhân và các trường học, viện nghiên cứu.

Các mục tiêu chính về phát triển nông thôn là:

- Tăng cường phát triển nguồn nhân lực trong cộng đồng nông thôn.
- Củng cố các thể chế ở địa phương. Các tổ chức phải dựa vào khả năng và nỗ lực của mình và có sự tham gia của người dân.
- Nâng cao thu nhập và tạo thêm việc làm, đặc biệt cho người nghèo và những người bị thiệt hại do cuộc khủng hoảng.
- Tăng cường bảo vệ môi trường.

Tầm quan trọng của phát triển nông thôn bền vững được sự ủng hộ nhất trí trong cả nước, song vẫn còn nhiều ý kiến bất đồng trong nước về các chiến lược cụ thể và việc tiến hành các kế hoạch triển khai.

Chính phủ đề cao vai trò của chính sách, các khoản đầu tư khu vực công cộng và tầm quan trọng của việc khôi phục lại tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế và hội nhập. Các tổ chức xã hội lại chú trọng đến tầm quan trọng của các thể chế, bảo đảm tự cung tự cấp và phát triển vốn trong xã hội. Các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức tư nhân chú trọng hơn vào những đòi hỏi về cơ cấu lại đoàn thể trong thời gian ngắn, khôi phục lại công việc kinh doanh, tạo việc làm cho những lao động bị nghỉ việc.

Thái Lan hy vọng chiến lược phát triển nông thôn mới sẽ giúp vượt qua những khác biệt này và vạch ra một chương trình chung về cải cách chính sách, phát triển thể chế, đầu tư công cộng, bao gồm tất cả các yếu tố về xã hội. Phát triển nông thôn bền vững và công bằng ở Thái Lan sẽ phụ thuộc vào 5 bước có liên quan với nhau:

4. Đẩy mạnh các tổ chức xã hội ở địa phương, là bước quan trọng nhất để tạo khung thể chế cho những đối tượng trọng tâm trong phát triển nông thôn và khắc phục tình trạng tập trung quá nhiều quyền lực và chính trị vào một số cơ quan. Điều này không có nghĩa là quay trở về một cộng đồng nông thôn riêng rẽ, chia cắt, mà để bảo đảm các thể chế ở địa phương có đủ vốn và con người cần thiết đáp ứng mục tiêu về kinh tế-xã hội phục vụ bản thân họ.

- Thứ hai, cần tạo thêm nhiều việc làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp và các doanh nghiệp ở nông thôn để thu hút lao động, tăng thu nhập và tăng giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp địa phương. Lĩnh vực này sẽ trở thành phương tiện mới cho sự phát triển trong tương lai, vì khả năng phát triển nông nghiệp và của các ngành khác trong toàn nền kinh tế bị hạn chế bởi vốn, khả năng sinh lời và tình trạng thiếu việc làm có thu nhập cao cho lực lượng lao động trẻ.
- Thứ ba, cần phát triển mạnh thị trường tài chính nông thôn để tăng nguồn tài chính cộng đồng và tăng quỹ đầu tư sản xuất. Mục tiêu không phải là để các hộ gia đình mắc thêm nợ mà để dân chúng được tiếp nhận nhiều khoản vay lớn hơn, có thêm vốn lưu động và vốn cố phần, hình thành các hoạt động kinh tế mới nhằm tạo ra việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo.
- Thứ tư, cần nâng cao năng suất sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu về lương thực và thu nhập cho hộ gia đình nghèo, nhu cầu về nguyên liệu thô cho ngành chế biến nông sản và tăng cường xuất khẩu.

- Thứ năm, cần cải tiến phương thức quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên để đảm bảo phát triển nông thôn bền vững. Một khung điều tiết có hiệu quả, các thể chế quản lý vững mạnh và sự tham gia đầy đủ của tổ chức xã hội, để hạn chế thiệt hại cho tài nguyên và môi trường trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế nhanh. Các hoạt động trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và du lịch có thể trở thành những ngành chủ chốt trong phát triển khu vực nông thôn, vừa trực tiếp mang lại việc làm và thu nhập cho người dân nông thôn, vừa thông qua việc cung cấp các yếu tố đầu vào làm tăng thêm giá trị sản phẩm. Để thực hiện mục tiêu này, cần ngăn chặn xu hướng làm thoái hoá các nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện nay.

### **Tài liệu tham khảo**

- world Bank. 2001. Thailand Country Development Partnership for Competitiveness. Poverty Reduction and Economic Management Sector Unit East Asia and Pacific Region.
- World Bank. 2000. Beyond the Crisis: A Strategy for Renewing Rural Development in Thailand. Rural Development and Natural Resource Sector Unit East Asia and Pacific Region.